TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 555/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 11 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 540/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Q, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 11/38 đường Lê Thánh T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 11/38 đường Lê Thánh T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Q và ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Q và ông Nguyễn Văn T.

2.2. Về con chung: Bà Lê Thị Q, ông Nguyễn Văn T xác nhận có 03 con chung tên là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 11/9/1984; Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 15/7/1986 và Nguyễn Văn Tấn K, sinh ngày 16/4/1992. Nay tất cả các con đều đã trưởng thành, nên bà Lê Thị Q và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Q và ông Nguyễn Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Q, ông Nguyễn Văn T xác nhận không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Bà Lê Thị Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Lê Thị Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000696 ngày 13 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Q số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND xã H, thị xã H1, tỉnh TT.H (Bà Lê Thị Q và ông Nguyễn Văn T ĐKKH quyển số 81, số 199, ngày 21/3/1987);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng C